

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 58

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 21/11/2022, Tổng Công ty đã nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy xác nhận này, Tổng Công ty đã bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/5/2023)
Ông Lê Huy Hải	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. 

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Phạm Thành Đông**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023*

Số: 107/2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV4

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 29/8/2023, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

- (1) Như trình bày tại Mục 5.3, 5.4, 5.5 thuộc Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang tồn tại một số khoản công nợ tồn đọng tại ngày 30/6/2023 và ngày 31/12/2022 như sau: Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 59.039.493.041 VND; Trả trước cho người bán của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí: 20.549.503.289 VND; Phải thu khác của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 6.115.416.932 VND. Đây là những khoản công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khoản Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán tính đến ngày 30/6/2023 có giá trị: 20.085.498.338 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và bốn Công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có các khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2023 và ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)**

- (2) Như trình bày tại mục 5.3; mục 5.4; mục 5.5, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty có khoản công nợ tồn đọng Phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán, Phải thu khác tại ngày 30/6/2023 và ngày 31/12/2022 liên quan đến vụ án xảy ra tại Xí nghiệp thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) có giá trị lần lượt là: 328.790.740 VND, 234.572.661 VND và 18.184.136.530 VND. Theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do vụ án đang trong giai đoạn thi hành án nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung chưa xác định được tổn thất đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trên. Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2023 và ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Như trình bày tại Mục 5.20.b, Phần 5 “Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2023, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là 1.418.634.488.001 VND, chênh lệch là (1.280.511.999) VND so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

Như trình bày tại mục 7.2, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung - Công ty con của Tổng công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Do đó, Tổng Công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



**Phan Huy Thắng**

**Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.544.186.078.178</b>	<b>1.521.923.632.773</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>18.828.096.435</b>	<b>43.625.106.091</b>
1. Tiền	111		15.628.096.435	24.320.503.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.200.000.000	19.304.602.740
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>152.783.830.023</b>	<b>128.911.777.948</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.467.690.500	1.467.690.500
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151.316.139.523	127.444.087.448
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>674.650.881.228</b>	<b>670.942.653.077</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	613.637.934.897	623.107.372.810
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	50.721.297.292	40.420.312.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		672.936.669	637.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	67.027.830.493	64.186.585.957
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(57.409.118.123)	(57.409.118.123)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>648.201.433.675</b>	<b>603.271.479.300</b>
1. Hàng tồn kho	141		648.201.433.675	603.271.479.300
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.721.836.817</b>	<b>75.172.616.357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4.021.364.427	2.826.827.841
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.789.121.360	71.677.443.662
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	911.351.030	668.344.854
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>812.071.593.889</b>	<b>836.856.140.309</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.542.060.083</b>	<b>1.661.490.770</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.542.060.083	1.661.490.770
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>609.012.292.815</b>	<b>621.699.424.476</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	570.663.319.858	585.874.220.187
- Nguyên giá	222		1.016.917.615.543	1.013.562.146.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(446.254.295.685)	(427.687.926.302)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	5.578.232.666	2.495.784.830
- Nguyên giá	225		5.841.951.025	2.610.951.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(263.718.359)	(115.166.195)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	32.770.740.291	33.329.419.459
- Nguyên giá	228		41.081.362.956	41.081.362.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.310.622.665)	(7.751.943.497)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.12	<b>26.967.988.996</b>	<b>27.422.493.170</b>
- Nguyên giá	231		33.755.261.371	33.755.261.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.787.272.375)	(6.332.768.201)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.13	<b>46.109.211.233</b>	<b>48.234.784.512</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46.109.211.233	48.234.784.512
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>32.963.374.559</b>	<b>31.463.374.559</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.896.459.553	1.896.459.553
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.566.915.006	29.566.915.006
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.500.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>95.476.666.203</b>	<b>106.374.572.822</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	95.476.666.203	106.374.572.822
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.356.257.672.067</b>	<b>2.358.779.773.082</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>911.798.771.089</b>	<b>908.815.582.944</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>888.620.644.755</b>	<b>885.430.186.059</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	209.849.480.202	244.038.566.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		78.712.275.488	69.463.106.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	52.264.509.169	53.172.901.716
4. Phải trả người lao động	314		43.469.920.648	45.865.304.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	28.611.696.809	24.639.933.075
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	57.464.172
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	1.510.979.696	1.718.429.020
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	36.091.185.953	38.457.476.184
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	422.596.456.232	395.892.739.737
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		816.715.335	816.715.335
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.697.425.223	11.307.548.960
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.178.126.334</b>	<b>23.385.396.885</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	2.811.211.046	2.712.352.142
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	2.106.045.535	1.992.976.089
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	18.260.869.753	18.680.068.654
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1.444.458.900.978</b>	<b>1.449.964.190.138</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>1.444.458.900.978</b>	<b>1.449.964.190.138</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.227.046.285	32.227.046.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.263.252.785)	(35.188.159.410)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(41.990.386.806)	(34.685.439.205)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.727.134.021	(502.720.205)
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		35.062.999.440	35.493.195.225
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.356.257.672.067</b>	<b>2.358.779.773.082</b>

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	569.360.565.684	601.911.005.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		<b>569.360.565.684</b>	<b>601.911.005.549</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	491.014.692.552	543.370.344.149
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		<b>78.345.873.132</b>	<b>58.540.661.400</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.929.337.232	4.661.254.033
7. Chi phí tài chính	22	6.4	22.657.154.620	14.390.308.801
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.206.998.076	14.183.160.437
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.427.773.831	2.897.636.124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	57.629.500.908	44.695.367.374
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	30		<b>1.560.781.005</b>	<b>1.218.603.134</b>
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.008.540.485	1.523.779.531
13. Chi phí khác	32	6.8	2.321.700.746	4.220.678.206
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>686.839.739</b>	<b>(2.696.898.675)</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>2.247.620.744</b>	<b>(1.478.295.541)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	950.682.508	684.950.956
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>1.296.938.236</b>	<b>(2.163.246.497)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.727.134.021	(1.763.350.840)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(430.195.785)	(399.895.657)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	12	(13)

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập

Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán

Đào Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày	kết thúc ngày
			30/6/2023	30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>2.247.620.744</b>	<b>(1.478.295.541)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.053.782.523	20.297.842.672
Các khoản dự phòng	03		-	(300.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(198.026.836)	38.565.056
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.881.770.673)	(4.277.580.975)
Chi phí lãi vay	06		22.206.998.076	14.183.160.437
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>37.428.603.834</b>	<b>28.463.691.649</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		61.045.091.708	107.340.790.560
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.929.954.375)	(41.638.700.066)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(57.760.457.001)	(40.495.134.681)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.643.536.975	223.562.665
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.950.008.127)	(14.149.931.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.123.805.026)	(15.620.241.313)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.057.858.477)	(2.679.449.707)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.704.850.491)</b>	<b>21.444.587.295</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.034.680.794)	(562.292.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		181.818.182	946.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(105.688.191.598)	(20.672.398.628)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74.316.139.523	2.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.351.233.454	3.800.766.101
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(28.873.681.233)</b>	<b>(13.987.561.588)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		343.863.205.106	287.907.308.216
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(319.744.541.109)	(289.040.682.374)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(442.978.965)	(244.079.861)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>23.675.685.032</b>	<b>(1.377.454.019)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(24.902.846.692)</b>	<b>6.079.571.688</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>43.625.106.091</b>	<b>31.893.949.777</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		105.837.036	154.894.643
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>18.828.096.435</b>	<b>38.128.416.108</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 21/11/2022, Tổng Công ty đã nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy xác nhận này, Tổng Công ty đã bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2023 là: 878 người (tại ngày 31/12/2022 là 959 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

#### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>I. Công ty con</b>			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực. Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
<b>II. Công ty liên doanh, liên kết</b>			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
<b>III. Đơn vị trực thuộc</b>			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%	100%

(\*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) đang tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2022 đến hết ngày 30/11/2023 căn cứ theo Quyết định số 1050/QĐ-MIE-TCNS ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/6/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Quyết toán Cổ phần hóa**

Tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

**Thuê tài chính**

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	10 - 15

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà

**Số năm**

40 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

##### *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu***

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

***Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.224.880.090	4.687.203.669
Tiền gửi ngân hàng	10.403.216.345	19.633.299.682
(*) Các khoản tương đương tiền	3.200.000.000	19.304.602.740
<b>Tổng</b>	<b>18.828.096.435</b>	<b>43.625.106.091</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 2% /năm - 5 % /năm.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	<b>30/6/2023 (VND)</b>			<b>01/01/2023 (VND)</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
(*) CONTREXIM (7.625 CP)	378.200.000	57.950.000	-	378.200.000	57.950.000	-
(**) ABBANK (26.943 CP)	1.089.430.000	237.098.400	-	1.089.430.000	215.544.000	-
EIB (5 CP)	60.500	106.250	-	60.500	160.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.467.690.500</b>	<b>295.154.650</b>	<b>-</b>	<b>1.467.690.500</b>	<b>273.654.000</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định căn cứ vào số lượng và giá đóng cửa của cổ phiếu đó trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 30/6/2023. Đối với trường hợp của CONTREXIM, tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Tổng Công ty không thu thập được giá giao dịch Cổ phiếu của CONTREXIM trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(\*\*) Là khoản đầu tư tài chính của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp). Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, việc xử lý khoản đầu tư tài chính nêu trên cùng với các khoản đầu tư khác đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP. Do vậy, Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1 Ngắn hạn {i}</b>	<b>151.316.139.523</b>	<b>151.316.139.523</b>	<b>127.444.087.448</b>	<b>127.444.087.448</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	38.500.000.000	38.500.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	14.500.000.000	14.500.000.000	9.627.947.925	9.627.947.925
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	22.500.000.000	22.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	12.000.000.000	12.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	51.316.139.523	51.316.139.523	51.316.139.523	51.316.139.523
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	12.500.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000
<b>b.2 Dài hạn {ii}</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>152.816.139.523</b>	<b>152.816.139.523</b>	<b>127.444.087.448</b>	<b>127.444.087.448</b>

(i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, với lãi suất từ 4,7 % /năm - 8,0% / năm;  
Ngoài ra, trong số 14.500.000.000 VND tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, có 10.000.000.000 VND đã được Tổng Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty tại ngân hàng này.

(ii) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng, với lãi suất 8,5% / năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>123.507.495</b>	(*)	-	<b>123.507.495</b>	(*)	-
Liên doanh tòa nhà IBC 37 Tràng Thi	23.507.495		-	23.507.495		-
Công ty Cổ phần Công đoàn Giấy	100.000.000		-	100.000.000		-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.772.952.058</b>	(*)	-	<b>1.772.952.058</b>	(*)	-
{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	1.772.952.058		-	1.772.952.058		-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>29.566.915.006</b>	(*)	-	<b>29.566.915.006</b>	(*)	-
{2} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia	9.520.000.000		-	9.520.000.000		-
{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	3.381.542.806		-	3.381.542.806		-
{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200		-	1.432.012.200		-
{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	14.383.360.000		-	14.383.360.000		-
a. Vốn góp của cán bộ, công nhân viên	12.905.000.000		-	12.905.000.000		-
b. Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (khoản đầu tư của Mecanimex)	1.478.360.000		-	1.478.360.000		-
Công ty CP Café HASA	850.000.000		-	850.000.000		-
<b>Tổng</b>	<b>31.463.374.559</b>		-	<b>31.463.374.559</b>		-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

{2} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu tại thời điểm góp vốn là 2,149%.

{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 30/6/2023, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng (Tổng Công ty nhận được khoản cổ tức của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang Công ty cổ phần).

{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công thương.

{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(a): Là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu;

(b): Là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty (thực chất là khoản đầu tư của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí).

(\* ) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu của khách hàng	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>613.637.934.897</b>	<b>623.107.372.810</b>
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.747.144.804	20.092.629.186
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.136.297.736	42.136.297.736
Công ty TNHH 289	53.941.769.610	55.591.769.610
Công ty Cổ phần Nam Vang	46.706.854.941	47.006.854.941
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179	20.724.851.202	22.834.585.869
Công ty TNHH đầu tư và thương mại công nghiệp Hưng Phát	45.156.966.698	28.493.589.203
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị công nghệ HHT	50.189.577.887	26.088.458.153
Công ty TNHH Quang Tuyến VN	46.893.110.321	29.163.659.060
Công ty TNHH MTV xây dựng và lắp đặt thủy điện ECC	18.429.036.917	20.717.784.931
{1} Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp	328.790.740	328.790.740
{2} Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ và Thương mại Việt Nam	28.315.360.500	28.315.360.500
{2} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	30.724.132.541	30.724.132.541
{3} Công ty CP TM & SX Thiên Hoàng Long	18.038.748.323	18.076.109.723
{3} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí	2.046.750.015	1.798.433.890
Thu đối tượng khác	193.258.542.662	251.738.916.727
<b>Tổng</b>	<b>613.637.934.897</b>	<b>623.107.372.810</b>

Phải thu khách hàng bao gồm những khoản công nợ tồn đọng của các Công ty con của Tổng Công ty, gồm:

**(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 328.790.740 VND.

Ngoài khoản công nợ phải thu nói trên, Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp còn các khoản nợ tồn đọng khác, gồm: Phải thu khác với số tiền 18.184.136.530 VND (Thuyết minh 5.5 Phải thu khác), Trả trước cho người bán: 234.572.661 VND (Thuyết minh 5.4 Trả trước cho người bán), Phải trả người bán: 10.527.414.264 VND (Thuyết minh 5.14 Phải trả người bán) và khoản vay với tổng số tiền là 1.446.904.132 VND (Thuyết minh 5.19 Vay và nợ thuê tài chính).

Các khoản công nợ tồn đọng trên có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Sửa một phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 Phải thu của khách hàng (Tiếp theo)**

- (i) Buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (Agribank - Chi nhánh Nam Hà Nội) số tiền 24.990.000.000 VND và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (Vietinbank - Chi nhánh Đông Hà Nội) số tiền 24.262.809.296 VND. Tổng cộng buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải bồi thường trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 49.252.809.296 VND. Chia theo kỹ phần, Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường là 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường là 19.252.809.296 VND.
- (ii) Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung số 96/CV-CKQT ngày 24 tháng 02 năm 2020 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trả lại cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Ngày 18/7/2023, Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã họp (Biên bản họp) và đồng ý xử lý theo đúng các nội dung đã nêu tại tờ trình số 26.06/CKQT-TCKT ngày 26/6/2023. Theo Biên bản họp này, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung còn tồn tại các vấn đề chưa được xử lý do Công ty chưa thể làm việc được đối với ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm để xác định các thiệt hại mà các đối tượng này đã trực tiếp (hoặc gián tiếp) gây ra cho Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi xác định được tồn thất, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Techno Import") với số tiền là 59.039.493.041 VND quá hạn thanh toán tính đến 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty) phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Hiện tại, Công ty này cùng với Công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Techno Import chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng này.

**(3) Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán 03 năm hoặc thu hồi chậm với số tiền là 20.085.498.338 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.4 Trả trước cho người bán	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Hunger Hydraulics Korea LTD	3.017.862.900	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.005.757.988	1.513.466.135
Công ty TNHH Ngô Hoàng	10.664.940.000	-
Công ty TNHH Hoàng Nam (*)	6.683.910.393	6.683.910.393
Chi nhánh Cty TNHH TM và DV Sài Gòn CALI (*)	8.028.886.473	8.028.886.473
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên (*)	4.045.239.997	4.045.239.997
Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ (*)	1.206.227.898	1.206.227.898
Công ty CP Cà phê HASA (*)	585.238.528	585.238.528
Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp (**)	234.572.661	234.572.661
Các khách hàng khác	15.507.346.700	18.122.770.348
<b>Tổng</b>	<b>50.721.297.292</b>	<b>40.420.312.433</b>

(\*) Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, bao gồm khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa (phát sinh trước thời điểm 30/9/2014) nhưng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được với số tiền là 20.549.503.289 VND. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí vẫn đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khoản công nợ này khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(\*\*) Khoản nợ xấu của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) phát sinh trong giai đoạn ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung vẫn đang trong giai đoạn xử lý các vấn đề tồn tại của Xí nghiệp nhưng có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên và các cá nhân khác có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>67.027.830.493</b>	<b>243.533.062</b>	<b>64.186.585.957</b>	<b>243.533.062</b>
Phải thu về cổ phần hóa	5.294.615.031	-	5.254.084.019	-
Phải thu người lao động	-	-	168.277.281	-
Ký cược, ký quỹ	4.934.884.676	-	4.151.864.379	-
Bảo hiểm xã hội	1.762.341	-	183.247.795	-
Tạm ứng	20.098.163.101	-	16.858.123.677	-
{1} Phải thu của Nguyễn Duy Xuyên và đối tượng liên quan	18.184.136.530	-	18.184.136.530	-
<i>{i} Nguyễn Duy Xuyên</i>	<i>3.113.960.981</i>	-	<i>3.113.960.981</i>	-
<i>{ii} Nguyễn Duy Xuyên - Thân Thị Nhậm</i>	<i>15.070.175.549</i>	-	<i>15.070.175.549</i>	-
Phải thu khác	18.514.268.814	243.533.062	19.386.852.276	243.533.062
{2} Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
<i>Phải thu khác tại Techno Import</i>	<i>861.442.984</i>	<i>243.533.062</i>	<i>937.124.183</i>	<i>243.533.062</i>
<i>Thu khác</i>	<i>11.537.408.898</i>	-	<i>12.334.311.161</i>	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.542.060.083</b>	-	<b>1.661.490.770</b>	-
Tiền GPMB chờ bù trừ tiền thuê đất hàng năm	1.191.180.807	-	1.359.614.170	-
Ký cược, ký quỹ	350.879.276	-	301.876.600	-
<b>Tổng</b>	<b>68.569.890.576</b>	<b>243.533.062</b>	<b>65.848.076.727</b>	<b>243.533.062</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5. Phải thu khác (Tiếp theo)**

**(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**

Đây là khoản công nợ có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số (1) - Mục 5.3. “Phải thu của khách hàng”. Theo đó:

- {i} Khoản phải thu của ông Nguyễn Duy Xuyên sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán;
- {ii} Khoản phải thu liên quan ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán. Theo đó, một số hậu quả mà hai đối tượng này gây ra theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng không tách biệt riêng rẽ theo từng đối tượng nên đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung xử lý chung vào đối tượng “Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm”.

**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật**

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/4/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) - Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004 - 2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/11/2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 VND của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.

Ngày 12/6/2015, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5. Phải thu khác (Tiếp theo)**

**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import. Ngày 19/4/2019, Tổng công ty có văn bản số 321/CV-MIE-ĐDV trình Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Technoimport. Theo đó, Tổng công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công thương đã có văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, việc thoái vốn tại Techno Import của Tổng Công ty vẫn chưa xong.

**5.6 Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>						
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>115.436.260.128</b>	<b>58.270.675.067</b>	<b>(57.165.585.061)</b>	<b>115.436.260.128</b>	<b>58.270.675.067</b>	<b>(57.165.585.061)</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)
Công ty CP Cơ khí Điện lực	1.742.718.153	-	(1.742.718.153)	1.742.718.153	-	(1.742.718.153)
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội</b>						
Công ty TNHH 289	55.591.769.610	26.199.542.548	(29.392.227.062)	55.591.769.610	26.199.542.548	(29.392.227.062)
Công ty Cổ phần Nam Vang	47.006.854.941	31.882.077.784	(15.124.777.157)	47.006.854.941	31.882.077.784	(15.124.777.157)
Công ty tư vấn Công trình thủy I	62.004.000	-	(62.004.000)	62.004.000	-	(62.004.000)
Công ty Cổ phần Mía đường sông Dinh	19.526.259	-	(19.526.259)	19.526.259	-	(19.526.259)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)**

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty XNK Nông sản thực phẩm Đà Nẵng	35.943.400	-	(35.943.400)	35.943.400	-	(35.943.400)
Công ty TNHH NN MTV đóng tàu Phà Rừng	25.331.000	-	(25.331.000)	25.331.000	-	(25.331.000)
Xí nghiệp sản xuất ống thép hàn cơ khí Quang Trung	100.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000	-	(100.000.000)
Viện nghiên cứu cơ khí	25.937.400	-	(25.937.400)	25.937.400	-	(25.937.400)
Chi nhánh công ty TNHH Duyên Hà - Nhà máy xi măng Duyên Hà	196.956.250	-	(196.956.250)	196.956.250	-	(196.956.250)
Công ty cổ phần xây dựng 699	402.114.696	-	(402.114.696)	402.114.696	-	(402.114.696)
Công ty cơ khí hóa chất Hà Bắc	80.583.400	-	(80.583.400)	80.583.400	-	(80.583.400)
Ban quản lý dự án nhà máy xi măng Thái Nguyên	1.843.705.600	-	(1.843.705.600)	1.843.705.600	-	(1.843.705.600)
Đường Quảng Ngãi	21.283.743	-	(21.283.743)	21.283.743	-	(21.283.743)
Đường Tuyên Quang	305.192.800	-	(305.192.800)	305.192.800	-	(305.192.800)
Công ty Nhật Linh	544.656.400	-	(544.656.400)	544.656.400	-	(544.656.400)
Công ty lắp máy xây dựng số 3	144.605.164	-	(144.605.164)	144.605.164	-	(144.605.164)
Công ty Xuân Hòa	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Tổng công ty cơ khí xây dựng COMA	99.964.035	-	(99.964.035)	99.964.035	-	(99.964.035)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)**

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Liên doanh VIKOWA	162.500.000	-	(162.500.000)	162.500.000	-	(162.500.000)
Công ty Sao đỏ	256.750.000	-	(256.750.000)	256.750.000	-	(256.750.000)
Công ty Simac - Italy	461.213.726	-	(461.213.726)	461.213.726	-	(461.213.726)
Công ty Fourdry Chemical System	231.128.561	-	(231.128.561)	231.128.561	-	(231.128.561)
Ban quản lý dự án nhà máy giấy Lai Châu	422.385.000	-	(422.385.000)	422.385.000	-	(422.385.000)
Công ty xây dựng số 2 Lai Châu	540.960.500	-	(540.960.500)	540.960.500	-	(540.960.500)
Xí nghiệp xây dựng số 2 - Công ty xây dựng số 1	253.694.700	-	(253.694.700)	253.694.700	-	(253.694.700)
Xí nghiệp lắp máy và xây dựng Miền Nam - Công ty lắp máy	51.020.000	-	(51.020.000)	51.020.000	-	(51.020.000)
Taag Machinery - Máy xuất khẩu Mỹ	51.142.244	-	(51.142.244)	51.142.244	-	(51.142.244)
Công ty liên doanh mía đường Nghệ An	1.500.000	-	(1.500.000)	1.500.000	-	(1.500.000)
Ông Thành (Khu tập thể 23B Lê Đại Hành)	16.000.000	-	(16.000.000)	16.000.000	-	(16.000.000)
Công ty Cổ phần Lisemco	594.642.814	-	(594.642.814)	594.642.814	-	(594.642.814)
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	630.182.449	189.054.735	(441.127.714)	630.182.449	189.054.735	(441.127.714)
Công ty CP Đầu tư Bắc Thành Công	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)
Công ty CP TVTK và Dịch vụ Đầu tư	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)**

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu khác</b>	<b>243.533.062</b>	-	<b>(243.533.062)</b>	<b>243.533.062</b>	-	<b>(243.533.062)</b>
Công ty Cung ứng Thiết bị điện	16.503.327	-	(16.503.327)	16.503.327	-	(16.503.327)
Công ty Hoài Nam	119.559.455	-	(119.559.455)	119.559.455	-	(119.559.455)
Công ty Mía đường Đặc Lắc	107.470.280	-	(107.470.280)	107.470.280	-	(107.470.280)
<b>Tổng</b>	<b>115.679.793.190</b>	<b>58.270.675.067</b>	<b>(57.409.118.123)</b>	<b>115.679.793.190</b>	<b>58.270.675.067</b>	<b>(57.409.118.123)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	53.382.229.925	-	59.496.200.719	-
Công cụ, dụng cụ	6.402.293.377	-	6.373.127.429	-
Chi phí SXKD dở dang	478.486.767.497	-	421.213.652.213	-
Thành phẩm	73.641.924.493	-	75.729.257.206	-
Hàng hoá	34.266.637.789	-	38.700.195.684	-
Hàng gửi bán	2.021.580.594	-	1.759.046.049	-
<b>Tổng</b>	<b>648.201.433.675</b>	<b>-</b>	<b>603.271.479.300</b>	<b>-</b>

**5.8. Chi phí trả trước**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.021.364.427</b>	<b>2.826.827.841</b>
Công cụ, dụng cụ phân bổ	21.762.499	17.602.268
Phí bảo hiểm	1.692.101.312	1.987.141.279
Chi phí trả trước chờ phân bổ	2.307.500.616	822.084.294
<b>b) Dài hạn</b>	<b>95.476.666.203</b>	<b>106.374.572.822</b>
Tiền thuê đất trả trước, cơ sở hạ tầng	68.151.275.206	68.958.448.204
Tiền đền bù GPMB	2.235.508.976	2.294.338.160
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	25.089.882.021	35.121.786.458
<b>Tổng</b>	<b>99.498.030.630</b>	<b>109.201.400.663</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	570.506.717.729	392.349.372.401	44.947.777.516	2.064.887.479	3.693.391.364	1.013.562.146.489
Tăng trong kỳ	1.825.806.682	1.192.065.662	663.274.344	-	-	3.681.146.688
Mua trong kỳ	1.677.447.659	1.192.065.662	663.274.344	-	-	3.532.787.665
XDCB hoàn thành	148.359.023	-	-	-	-	148.359.023
Giảm trong kỳ	-	(325.677.634)	-	-	-	(325.677.634)
Thanh lý, nhượng bán	-	(325.677.634)	-	-	-	(325.677.634)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>572.332.524.411</b>	<b>393.215.760.429</b>	<b>45.611.051.860</b>	<b>2.064.887.479</b>	<b>3.693.391.364</b>	<b>1.016.917.615.543</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	163.682.431.616	231.717.431.214	30.376.462.229	1.510.457.088	401.144.155	427.687.926.302
Tăng trong kỳ	8.165.229.418	9.156.421.455	1.410.794.974	96.194.466	63.406.704	18.892.047.017
Khấu hao trong kỳ	8.165.229.418	9.156.421.455	1.410.794.974	96.194.466	63.406.704	18.892.047.017
Giảm trong kỳ	-	(325.677.634)	-	-	-	(325.677.634)
Thanh lý, nhượng bán	-	(325.677.634)	-	-	-	(325.677.634)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>171.847.661.034</b>	<b>240.548.175.035</b>	<b>31.787.257.203</b>	<b>1.606.651.554</b>	<b>464.550.859</b>	<b>446.254.295.685</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2023	406.824.286.113	160.631.941.187	14.571.315.287	554.430.391	3.292.247.209	585.874.220.187
Tại ngày 30/6/2023	400.484.863.377	152.667.585.394	13.823.794.657	458.235.925	3.228.840.505	570.663.319.858

- Tại ngày 30/6/2023, Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.921.730.211 VND (tại ngày 31/12/2022 là 36.703.160.809 VND).
- Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2023 là: 25.014.348.428 VND và tại ngày 31/12/2022 là: 25.796.046.818 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2023	2.610.951.025	2.610.951.025
Tăng trong kỳ	3.231.000.000	3.231.000.000
Thuê tài chính trong kỳ	3.231.000.000	3.231.000.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2023	5.841.951.025	5.841.951.025
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2023	115.166.195	115.166.195
Tăng trong kỳ	148.552.164	148.552.164
Khấu hao trong kỳ	148.552.164	148.552.164
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2023	263.718.359	263.718.359
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	2.495.784.830	2.495.784.830
Tại ngày 30/6/2023	5.578.232.666	5.578.232.666

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2023	37.220.221.480	3.861.141.476	41.081.362.956
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	37.220.221.480	3.861.141.476	41.081.362.956
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2023	6.393.280.624	1.358.662.873	7.751.943.497
Khấu hao trong kỳ	427.692.550	130.986.618	558.679.168
Số dư tại ngày 30/6/2023	6.820.973.174	1.489.649.491	8.310.622.665
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2023	30.826.940.856	2.502.478.603	33.329.419.459
Tại ngày 30/6/2023	30.399.248.306	2.371.491.985	32.770.740.291

Tại ngày 30/6/2023, Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 639.891.526 VND (tại ngày 31/12/2022 là 639.891.526 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/6/2023
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>33.755.261.371</b>	-	-	<b>33.755.261.371</b>
Nhà và cơ sở hạ tầng	33.755.261.371	-	-	33.755.261.371
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>	<b>6.332.768.201</b>	<b>454.504.174</b>	-	<b>6.787.272.375</b>
Nhà và cơ sở hạ tầng	6.332.768.201	454.504.174	-	6.787.272.375
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>27.422.493.170</b>	-	<b>454.504.174</b>	<b>26.967.988.996</b>
Nhà và cơ sở hạ tầng	27.422.493.170	-	454.504.174	26.967.988.996

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và nhà xưởng có địa chỉ tại số 133, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 1.806.373.659 VND và 454.504.174 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	45.580.806.503	45.580.806.503	45.580.806.503	45.580.806.503
Khác	528.404.730	528.404.730	2.653.978.009	2.653.978.009
<b>Tổng</b>	<b>46.109.211.233</b>	<b>46.109.211.233</b>	<b>48.234.784.512</b>	<b>48.234.784.512</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>209.849.480.202</b>	<b>199.322.065.938</b>	<b>244.038.566.954</b>	<b>233.511.152.690</b>
Công ty cổ phần thiết bị cầu trục Việt Nhật	3.478.710.902	3.478.710.902	21.818.293.844	21.818.293.844
Công ty cổ phần kết cấu thép và thiết bị nâng Việt Nam	1.267.446.704	1.267.446.704	18.647.833.504	18.647.833.504
Doanh nghiệp tư nhân Trung Anh	14.863.926.470	14.863.926.470	16.948.177.620	16.948.177.620
Công ty Cổ phần Đầu tư và giải pháp công nghệ Toàn Cầu	18.876.735.084	18.876.735.084	14.464.358.354	14.464.358.354
Công ty cổ phần IMEC Toàn Cầu	54.775.642.798	54.775.642.798	22.199.033.114	22.199.033.114
Công ty CP Kim khí Quốc tế Việt Nhật	-	-	16.896.088.927	16.896.088.927
(*) Phải trả tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp	10.527.414.264	-	10.527.414.264	-
Các đối tượng khác	106.059.603.980	106.059.603.980	122.537.367.327	122.537.367.327
<b>Tổng</b>	<b>209.849.480.202</b>	<b>199.322.065.938</b>	<b>244.038.566.954</b>	<b>233.511.152.690</b>

- (\*) Khoản nợ phải trả này có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên trong giai đoạn Ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản nợ phải trả này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2023
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	16.249.843.604	3.134.157.271	3.888.462.761	15.495.538.114
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	7.717.496	7.717.496	2.209.306.104
Thuế TNDN	272.784.275	349.197.524	392.150.714	229.831.085
Thuế thu nhập cá nhân	261.323.596	177.764.928	229.385.174	209.703.350
Tiền thuê đất	18.092.676.480	2.067.705.991	2.127.219.612	18.033.162.859
Phải nộp khác	13.402.586.230	198.036.251	198.036.251	13.402.586.230
<b>Tổng</b>	<b>53.172.901.716</b>	<b>5.934.579.461</b>	<b>6.842.972.008</b>	<b>52.264.509.169</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	11.287.548	-	35.550.314	46.837.862
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	464.259.048	601.484.984	731.654.312	594.428.376
Thuế thu nhập cá nhân	87.546.554	66.122.881	95.646.423	117.070.096
Tiền thuê đất	-	223.379.855	279.237.063	55.857.208
Phải nộp khác	104.811.779	110.834.216	102.740.000	96.717.563
<b>Tổng</b>	<b>668.344.854</b>	<b>1.001.821.936</b>	<b>1.244.828.112</b>	<b>911.351.030</b>

**5.16 Chi phí phải trả**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>28.611.696.809</b>	<b>24.639.933.075</b>
Lãi vay phải trả	5.715.287.037	5.649.401.257
Trích trước chi phí vận hành mặt bằng tòa nhà Tincom City	106.684.790	-
Chi phí vận chuyển, lắp đặt thiết bị	1.180.000.000	-
Chi phí thuê Văn phòng, nhà xưởng	15.750.140.442	15.750.140.442
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Chi phí phải trả khác	4.424.311.919	1.805.118.755
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.811.211.046</b>	<b>2.712.352.142</b>
Chi phí phải trả về dự án di dời nhà máy	2.811.211.046	2.712.352.142
<b>Tổng</b>	<b>31.422.907.855</b>	<b>27.352.285.217</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Doanh thu chưa thực hiện	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.510.979.696	1.718.429.020
Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.510.979.696	1.718.429.020
<b>Tổng</b>	<b>1.510.979.696</b>	<b>1.718.429.020</b>

5.18 Phải trả khác	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	36.091.185.953	38.457.476.184
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	1.070.998.133	751.474.960
Bảo hiểm xã hội	1.407.720.249	156.628.531
Bảo hiểm y tế	173.368.845	-
Bảo hiểm thất nghiệp	76.139.194	-
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.314.095.958	1.327.250.000
Phải trả chậm nộp thuế	6.628.441.178	9.375.441.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.257.434.356	9.683.693.475
b) Dài hạn	2.106.045.535	1.992.976.089
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.106.045.535	1.992.976.089
<b>Tổng</b>	<b>38.197.231.488</b>	<b>40.450.452.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>422.596.456.232</b>	<b>421.149.552.100</b>	<b>343.887.237.668</b>	<b>317.183.521.173</b>	<b>395.892.739.737</b>	<b>394.445.835.605</b>
<b>Vay ngân hàng (VND)</b>	<b>397.613.059.859</b>	<b>397.613.059.859</b>	<b>338.151.011.841</b>	<b>308.758.523.475</b>	<b>368.220.571.493</b>	<b>368.220.571.493</b>
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội	6.244.122.450	6.244.122.450	13.037.891.130	11.793.768.680	5.000.000.000	5.000.000.000
{2} Ngân hàng TMCP VietinBank - Chi nhánh Thanh Xuân	30.642.030.147	30.642.030.147	22.979.053.792	19.062.000.480	26.724.976.835	26.724.976.835
{3} Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	74.986.719.150	74.986.719.150	51.611.798.230	46.210.227.485	69.585.148.405	69.585.148.405
{4} Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thành Công	2.868.938.551	2.868.938.551	2.853.484.610	3.426.260.051	3.441.713.992	3.441.713.992
{5} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	256.549.617.785	256.549.617.785	243.083.061.846	223.050.867.651	236.517.423.590	236.517.423.590
{6} Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	25.960.080.491	25.960.080.491	-	-	25.960.080.491	25.960.080.491
{7} Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm	361.551.285	361.551.285	4.585.722.233	5.215.399.128	991.228.180	991.228.180
<b>Vay ngân hàng (USD)</b>	<b>13.350.352.167</b>	<b>13.350.352.167</b>	<b>2.686.225.827</b>	<b>5.930.685.095</b>	<b>16.594.811.435</b>	<b>16.594.811.435</b>
{5} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	4.151.374.495	4.151.374.495	2.686.225.827	5.930.685.095	7.395.833.763	7.395.833.763
{8} Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Thăng Long	9.198.977.672	9.198.977.672	-	-	9.198.977.672	9.198.977.672

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay Cá nhân</b>	<b>6.263.960.111</b>	<b>6.186.140.074</b>	<b>3.050.000.000</b>	<b>2.494.312.603</b>	<b>5.708.272.714</b>	<b>5.630.452.677</b>
Bà Trần Thị Thuộc (*)	77.820.037	-	-	-	77.820.037	-
Cá nhân khác	6.186.140.074	6.186.140.074	3.050.000.000	2.494.312.603	5.630.452.677	5.630.452.677
<b>Tổ chức khác (*)</b>	<b>1.369.084.095</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.369.084.095</b>	<b>-</b>
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	-	119.084.095	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	-	1.250.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - {9} Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>18.260.869.753</b>	<b>18.260.869.753</b>	<b>3.554.100.000</b>	<b>3.973.298.901</b>	<b>18.680.068.654</b>	<b>18.680.068.654</b>
<b>Vay ngân hàng</b>						
{10} Ngân hàng TMCP Quân đội	3.579.493.450	3.579.493.450	-	1.136.019.936	4.715.513.386	4.715.513.386
{11} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	10.725.000.000	10.725.000.000	-	1.425.000.000	12.150.000.000	12.150.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ thuê tài chính</b>						
{12} Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - chi nhánh Hà Nội	1.255.072.959	1.255.072.959	-	229.498.260	1.484.571.219	1.484.571.219
{13} Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.701.303.344	2.701.303.344	3.554.100.000	1.182.780.705	329.984.049	329.984.049
<b>Tổng</b>	<b>440.857.325.985</b>	<b>439.410.421.853</b>	<b>347.441.337.668</b>	<b>321.156.820.074</b>	<b>414.572.808.391</b>	<b>413.125.904.259</b>

**Thông tin các khoản vay**

{1} Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2022/31009/HĐCHMTC ngày 06/7/2022. Cụ thể:

Hạn mức thấu chi: 10 tỷ đồng;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Thời gian thấu chi: 59 ngày;

Thời gian hiệu lực thấu chi: 12 tháng;

Tài sản đảm bảo: Công ty cầm cố hợp đồng tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/31009/HĐBĐ ngày 09/8/2019.

{2} Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/2022-HĐCVHM/NHCT127-CKHN ngày 30/11/2022

Hạn mức vay: 40.000.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

{3} Khoản vay theo Hợp đồng số 99710.22.054.34801.TD ngày 14/11/2022

Hạn mức vay: 75.000.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng và có thể thay đổi theo từng lần giải ngân.

{4} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/CTD/356987 ngày 27/7/2022

Hạn mức vay: 3.500.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy Nhận Nợ và lãi suất có thể thay đổi theo từng lần giải ngân.

{5} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 325/2022/HDTD/HDG ngày 02/11/2022 và Hợp đồng sửa đổi 325/2022/HDTD/HDG/SDBS/01 ngày 06/4/2023

Hạn mức vay: 280.000.000.000 đồng; Hạn mức L/C: 90.000.000.000 đồng (không bao gồm L/C UPAS X); Hạn mức bảo lãnh: 20.000.000.000 đồng (không bao gồm bảo lãnh thanh toán);

Lãi suất vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

Mục đích vay:

- Sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí và thương mại thép, thương mại linh kiện và thiết bị cơ khí, thương mại thiết bị, vật tư và máy móc dùng cho y tế.

Tài sản đảm bảo:

- Tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 439774 số vào sổ cấp GCN: CT 28963 do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/12/2019.
- Máy móc/thiết bị: Trung tâm gia công gang 4D, Model HCN-8800. Nhãn hiệu: Yamazaki Mazak. Số lượng 01. Xuất xứ: Nhật Bản. Năm sản xuất: 2018.
- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TP Bank.

{6} Hợp đồng tín dụng số 1220-LAV-201800795 ngày 22/11/2018, cụ thể:

Hạn mức vay: 45.900.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;

Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- {7} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09/2023/HDTD/HGM ngày 07/02/2023  
Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; Thời gian: 12 tháng;  
Lãi suất: Biến động theo từng thời kỳ;  
Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, không bao gồm thương mại thép.
- {8} Hợp đồng tín dụng số 77/10/TL/HN ngày 02/8/2010, cụ thể:  
Gốc vay còn nợ tại thời điểm 31/12/2022: 428.507 USD;  
Khoản vay này Công ty không nhận được thông báo tính lãi từ năm 2014 đến nay.
- {9} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 5 năm.
- {10} Khoản vay theo Hợp đồng số 39622.190.54.34801.TD ngày 10/10/2019  
Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;  
Lãi suất vay: Lãi suất theo từng lần giải ngân.
- {11} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 338/2021/HDTD/HGM/01 ngày 04/01/2022  
Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND;  
Thời hạn vay: 84 tháng;  
Lãi suất: Biến động theo từng thời kỳ.
- {12} Bao gồm các hợp đồng sau:  
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B211005213 ngày 26/10/2021, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 447.150.000 đồng;  
Giá trị thuê: 335.362.500 đồng;  
Thời hạn thuê: 48 tháng.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B211006812 ngày 16/12/2021, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 710.600.000 đồng;  
Giá trị thuê: 646.646.000 đồng;  
Thời hạn thuê: 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220136712 ngày 21/3/2022, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 580.800.000 đồng;  
Giá trị thuê: 418.176.000 đồng;  
Thời hạn thuê: 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220331915 ngày 24/5/2022, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 605.280.000 đồng;  
Giá trị thuê: 435.801.600 đồng;  
Thời hạn thuê: 48 tháng.

{13} Bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.22.07CTTC ngày 19/9/2022, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 497.047.104 đồng;  
Giá trị thuê: 347.932.973 đồng;  
Thời hạn thuê: 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.22.06/CTTC ngày 23/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 28/02/2023, theo đó:  
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 3.554.100.000 đồng;  
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 2.487.870.000 đồng;  
Thời hạn cho thuê: 48 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**Chi tiết thuyết minh các khoản vay và nợ thuê tài chính theo từng đơn vị**

Công ty mẹ gồm các thuyết minh {1};{9}

Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội gồm các thuyết minh {2};{3};{4};{5};{10};{12} và {13}

Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí gồm thuyết minh {6}

Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật gồm thuyết minh {8}

Công ty CP Dụng cụ số 1 gồm thuyết minh {7};{11}

- (\*) Các khoản vay ngắn hạn (là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung) không đánh giá được khả năng trả nợ do có liên quan đến vụ án hình sự đang được điều tra đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên - Nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản vay này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty. Cụ thể các khoản vay như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.446.904.132</b>	-	-	-	<b>1.446.904.132</b>	-
<b>Vay Cá nhân</b>	<b>77.820.037</b>	-	-	-	<b>77.820.037</b>	-
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	-	-	-	77.820.037	-
<b>Tổ chức khác</b>	<b>1.369.084.095</b>	-	-	-	<b>1.369.084.095</b>	-
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	-	119.084.095	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	-	1.250.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.446.904.132</b>	-	-	-	<b>1.446.904.132</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>32.227.046.285</b>	<b>(31.563.667.321)</b>	<b>36.285.608.718</b>	<b>1.454.381.095.720</b>
Chi trả Cổ tức năm trước	-	-	-	(562.286.339)	-	(562.286.339)
Phân phối Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(2.552.319.629)	-	(2.552.319.629)
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(502.720.205)	(792.413.493)	(1.295.133.698)
Giảm khác trong năm trước	-	-	-	(7.165.916)	-	(7.165.916)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>32.227.046.285</b>	<b>(35.188.159.410)</b>	<b>35.493.195.225</b>	<b>1.449.964.190.138</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>32.227.046.285</b>	<b>(35.188.159.410)</b>	<b>35.493.195.225</b>	<b>1.449.964.190.138</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.727.134.021	(430.195.785)	1.296.938.236
(i) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.587.585.653)	-	(5.587.585.653)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	(1.214.641.743)	-	(1.214.641.743)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>(1.202.379.963)</b>	<b>32.227.046.285</b>	<b>(40.263.252.785)</b>	<b>35.062.999.440</b>	<b>1.444.458.900.978</b>

(i) Lợi nhuận chưa phân phối (bao gồm các khoản trích quỹ) tại Công ty mẹ được tạm phân phối theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐTN2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 23/6/2023 và sau khi Bộ Công thương xem xét chấp thuận, nếu có thay đổi, Hội đồng quản trị Tổng Công ty sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và biểu quyết theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty. Ngoài khoản trích quỹ nêu trên tại Công ty mẹ, còn bao gồm khoản trích quỹ tại các Công ty con, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 494.431.853 VND từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và tạm trích vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.837.025.283 VND lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Công văn số 51/CV-CKHN-TCKT ngày 10/4/2023 của Tổng Giám đốc;
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo tờ trình số 159/TTr-CKQT ngày 08/4/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Đối tượng	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Tổng</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>1.418.634.488.001</b>

(\*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

*c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

*d) Cổ phiếu*

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	46.537.526.906	320.406.502.853
Doanh thu bán sản phẩm	452.281.422.219	178.555.987.346
Doanh thu dự án	70.541.616.559	102.948.515.350
<b>Tổng</b>	<b>569.360.565.684</b>	<b>601.911.005.549</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	46.319.158.221	300.948.826.240
Giá vốn của thành phẩm đã bán	391.867.469.565	147.995.628.906
Giá vốn dự án	52.828.064.766	94.425.889.003
<b>Tổng</b>	<b>491.014.692.552</b>	<b>543.370.344.149</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.239.256.711	3.952.782.348
Cổ tức lợi nhuận được chia	273.088.106	222.331.500
Lãi bán ngoại tệ	103.792.467	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.133.281	324.872.784
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	198.026.836	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.831	161.267.401
<b>Tổng</b>	<b>6.929.337.232</b>	<b>4.661.254.033</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	22.206.998.076	14.183.160.437
Lỗ bán ngoại tệ	64.804.425	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	352.741.264	52.989.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	38.565.056
Chi phí tài chính khác	32.610.855	115.593.659
<b>Tổng</b>	<b>22.657.154.620</b>	<b>14.390.308.801</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	796.897.799	841.943.097
Chi phí vật liệu quản lý	177.368.248	142.450.879
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.901.190	6.103.033
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.144.166	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.260.217	668.379.180
Chi phí bằng tiền khác	389.202.211	1.238.759.935
<b>Tổng</b>	<b>3.427.773.831</b>	<b>2.897.636.124</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.6 Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.916.075.255	20.331.325.761
Chi phí vật liệu quản lý	327.181.382	1.004.599.619
Chi phí đồ dùng văn phòng	328.489.048	398.837.214
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.385.997.836	5.231.157.133
Thuế, phí và lệ phí	2.310.073.199	3.278.612.571
Trích lập dự phòng	-	(300.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.945.570.308	4.372.860.532
Chi phí bằng tiền khác	16.416.113.880	10.377.974.544
<b>Tổng</b>	<b>57.629.500.908</b>	<b>44.695.367.374</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Xử lý công nợ lâu năm	1.015.416.294	-
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	226.818.182	946.363.636
Tiền bồi thường, tiền phạt	820.762.469	-
Thu nhập khác	945.543.540	577.415.895
<b>Tổng</b>	<b>3.008.540.485</b>	<b>1.523.779.531</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	282.204.180
Phạt thuế, xử phạt hành chính	226.806.499	-
Tiền bồi thường, tiền phạt	871.642.766	-
Chi phí khác	1.223.251.481	3.938.474.026
<b>Tổng</b>	<b>2.321.700.746</b>	<b>4.220.678.206</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.9 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	950.682.508	684.950.956
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>950.682.508</b>	<b>684.950.956</b>

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	1.727.134.021	(1.763.350.840)
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	(105.587.270)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.727.134.021	(1.868.938.110)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)</b>	<b>12</b>	<b>(13)</b>

Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, Lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông và Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty xác định lại số trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và và thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐTN2023 ngày 23/6/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đã trình bày trên Báo cáo		
	năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	(1.763.350.840)	(1.763.350.840)	-
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	(105.587.270)	105.587.270
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.763.350.840)	(1.868.938.110)	105.587.270
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)</b>	<b>(12)</b>	<b>(13)</b>	<b>1,0</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Giao dịch đối với bên liên quan**

**a) Thông tin**

<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
<b>Tô chức</b>	
Bộ Công thương	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
<b>Cá nhân</b>	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

**b) Giao dịch với Bên liên quan**

<b>Thu nhập của thành viên chủ chốt</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>
		<b>kết thúc ngày</b>	<b>kết thúc ngày</b>
		<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và thù lao	996.589.273	891.814.162

**7.2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung - Công ty con của Tổng Công ty đã trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Theo đó, Tổng Công ty đã trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**Tóm lược Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau điều chỉnh**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MS</b>	<b>TM</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
			<b>01/01/2023</b>	<b>01/01/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
			<b>(Trình bày lại)</b>	<b>(Trước điều chỉnh)</b>	<b>(Chênh lệch)</b>
			{1}	{2}	{3} = {1} - {2}
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	{1}	623.107.372.810	653.602.541.363	(30.495.168.553)
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	{1}	64.186.585.957	94.305.152.418	(30.118.566.461)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.2 Thông tin so sánh (Tiếp theo)****Tóm lược Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau điều chỉnh (Tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	MS	TM	01/01/2023	01/01/2023	01/01/2023
			(Trình bày lại) {1}	(Trước điều chỉnh) {2}	(Chênh lệch) {3} = {1} - {2}
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	{1}	244.038.566.954	244.915.013.281	(876.446.327)
2. Phải trả ngắn hạn khác	319	{1}	38.457.476.184	48.544.857.784	(10.087.381.600)
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	{1}	395.892.739.737	445.374.369.543	(49.481.629.806)
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	{1}	11.307.548.960	11.475.826.241	(168.277.281)

{1} Tổng Công ty thực hiện các điều chỉnh số liệu kế toán căn cứ kết luận của Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến vụ án hình sự xảy ra tại Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

**Người lập**

**Phạm Minh Đức****Phụ trách kế toán**

**Đào Văn Thắng**

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Thành Đông**